

Bản án số: 67/2020/HS-ST
Ngày 28- 9- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tĩnh

Ông Hoàng Viết Toàn

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên toà:
Ông Tăng Văn Lanh - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Phạm Thị H (đã chết); tiền án, tiền sự, nhân thân: Tại Bản án số 60/2011/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2011, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" (đã được xóa án tích); Tại bản án số 09/2017/HSST ngày 21/12/2017, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù tội trộm cắp tài sản (ra trại ngày 08/02/2018) (chưa được xóa án tích); Tại Bản án số 05/2019/HSST ngày 25/01/2019, Tòa án nhân dân huyện An Dương xử phạt 18 tháng tù tội Trộm cắp tài sản (ra trại ngày 16/02/2020) chưa được xóa án tích. **Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/5/2020; có mặt.**

- Bị hại: Chị Vũ Thị Mai A, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn Vân Tra, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có quan điểm xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Bùi Duy B, anh Phạm Tuấn C, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 04/5/2020, Bùi Duy B, sinh năm 1987, trú tại đường P, phường Đ, quận D, Hải Phòng điều khiển xe mô tô chở Lê Văn T đến thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Mai A của chị Vũ Thị Mai A, sinh năm 1983, ở thôn V, xã A, huyện A, Hải Phòng. Nghỉ đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 05/5/2020, thì B và T đến hiệu Spa Mai A của chị Mai A (cách nhà nghỉ khoảng 50m) thanh toán tiền thuê phòng cho chị Anh là 300.000đ. Chị Mai A để 300.000đồng và 01 chiếc điện thoại Oppo Reno2F lên trên mặt bàn của quán Spa rồi đi sang nhà nghỉ Mai A để khóa cửa. Trả tiền xong, B chở T đi về phía đường máng nước. Đi được một đoạn thì T nảy sinh ý định lấy chiếc điện thoại của chị Mai A nên bảo B quay lại đi sang đường 208. B điều khiển xe chở T quay lại, khi vừa đi qua quán Spa Mai A thì T bảo B dừng xe. T đi vào trong quán Spa lấy chiếc điện thoại Oppo Reno2F và 300.000đ của chị Mai A để mặt bàn đút vào túi quần rồi đi lên xe, B chở T đi đến khu vực đường 208 thuộc thôn V, xã A thì T xuống xe. B đi xe về nhà còn T bắt xe taxi đi đến cửa hiệu cầm đồ Dững Lợi 2 ở đường Đ, quận N, Hải Phòng để cầm chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cho anh Phạm Tuấn C ở đường Đ, quận N, Hải Phòng nhưng do không có mật khẩu, không mở được màn hình nên anh C không cầm. T đi xe ôm về khu vực Lạch Tray, Hải Phòng ăn cơm và chơi điện tử. Chị Mai A sau khi khóa cửa phòng nghỉ quay lại quán Spa thì không thấy chiếc điện thoại và 300.000đồng đâu nên gọi điện cho B, B nói không biết nhưng xin mật khẩu màn hình điện thoại và hứa tìm T để hỏi và lấy chiếc điện thoại về cho chị Mai A. B gọi điện cho T và đi xe máy đến đường Lạch Tray gặp và bảo T trả điện thoại cho chị Mai A nhưng T không nhận lấy, B đánh, tát T thì T thừa nhận lấy điện thoại của chị Mai A và bỏ chạy. Sau đó B gọi điện cho T nói chị Mai A là chỗ quen biết của B, chị Mai A rất tin tưởng còn cho cả sổ mật khẩu điện thoại, B đọc mật khẩu điện thoại cho T. T nhập mật khẩu thì mở được màn hình điện thoại nên T đem chiếc điện thoại quay lại quán cầm đồ Dững Lợi 2 ở đường Đ, quận N cầm cho anh Phạm Tuấn C, sinh năm 1987, trú tại số đường P, phường Đ, quận H, Hải Phòng được 3.000.000đồng. Sau đó, T thuê xe ôm để đưa phiếu cầm đồ cho B để đưa cho chị Mai A. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, B cầm giấy cầm đồ đưa cho chị Mai A. Ngày 06/5/2020, chị Mai A đến Công an xã An Đồng trình báo nội dung sự việc. Ngày 20/5/2020, anh Phạm Tuấn C đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan Công an. Về số tiền ba triệu đồng T cầm điện thoại, chị Mai A đã bỏ ra một triệu đồng đưa cho B, B bỏ ra 2 triệu đồng và đã trả cho anh C ba triệu đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Dương ngày 27/5/2020 kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno2F đã qua sử dụng, có số IMEI1:869778040519291; IMEI2:869778040519283; Ram8GB, bộ nhớ trong 128GB, xuất xứ nước ngoài, góc cạnh của điện thoại bị trầy xước nhẹ, không có ốp lưng bảo vệ mặt sau, điện thoại hiện đang hoạt động B thường. Chất lượng sử dụng còn lại khoảng 65%. Giá trị định giá là 4.200.000đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 USB lưu giữ hình ảnh camera ghi nhận diễn biến vụ việc, 01 phiếu bảo hành điện thoại, 01 phiếu cầm đồ do chị Mai A cung cấp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno2F do Phạm Tuấn C giao nộp cho Công an ngày 20/5/2020.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Lê Văn T đã khai nhận hành vi lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno2F và 300.000đồng của chị Vũ Thị Mai A để trên mặt bàn trong quán Spa của chị Mai A trưa ngày 05/5/2020.

Tại Cáo trạng số 70/CT-VKS-AD ngày 17 ngày 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T khai nhận về hành vi trộm cắp như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản do một mình bị cáo thực hiện, không có ai tham gia cùng.

Công bố lời khai của bị hại và người làm chứng có nội dung như bị cáo khai nhận tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Lê Văn T với mức án từ **36 đến 42 tháng** tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Vũ Thị Mai A số tiền 300.000đ và 1.000.000đ tiền chị Mai A đưa thêm cho Bùi Duy B đi chuộc điện thoại, tổng cộng là 1.300.000đồng.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại cho chị Vũ Thị Mai A ngày 04/6/2020 nên không xét.

Sau khi nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[2] Hội đồng xét xử xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, phù hợp với lời khai người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn T đã có hành vi lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo Reno2F trị giá 4.200.000đồng và 300.000đồng của chị Vũ Thị Mai A tại quán Spa của chị Mai A ở thôn Vân Tra, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng vào ngày 05 tháng 5 năm 2020. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" vi phạm Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Nhân thân bị cáo Lê Văn T xác định là đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự.

Như vậy, bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt "tái phạm nguy hiểm" về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nguyên nhân phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương, bị cáo có nhiều tiền án chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục có hành vi phạm tội. Do vậy phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về các vấn đề khác:

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện, không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Vũ Thị Mai A yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị Mai A số tiền 300.000đ và 1.000.000đ tiền chị đưa thêm cho Bùi Duy B đi chuộc điện thoại. Xét yêu cầu của chị Mai A là chính đáng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Mai A số tiền trên nên chấp nhận, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Vũ Thị Mai A tổng số tiền là 1.300.000đồng.

Đối với số tiền 2.000.000đ Bùi Duy B đã trả cho anh C để chuộc điện thoại cho chị Mai A, Anh B không yêu cầu bị cáo phải trả lại nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại cho chị Vũ Thị Mai A ngày 04/6/2020 nên không xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Lê Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ 27/5/2020.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Lê Văn T phải bồi thường cho chị Vũ Thị Mai A số tiền là 1.300.000đồng (gồm 300.000đồng bị cáo T lấy của chị Mai A và 1.000.000đồng chị Mai A phải trả thêm với B cho anh C để chuộc điện thoại).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị

cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Công an huyện An Dương;
- Phòng PV 06; Phòng PC 10; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện An Dương;
- Trại tạm giam - Công an Hải Phòng;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ; Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Phương

